

Bản án số: 155/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21-7-2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Đinh Văn Tùng.

- Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Luận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Lê Văn P**, sinh năm 1990 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã TTB, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Chị **Phạm Huỳnh N**, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 3, xã PC, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/4/2022 và lời trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Văn P trình bày: Anh và chị Phạm Huỳnh N kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Thành Bình, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 27/02/2018, vợ chồng sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, đến tháng 02/2020 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N;

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Trọng P, sinh ngày 18/5/2020, do anh nuôi dưỡng từ lúc vợ chồng sống ly thân đến nay. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con..

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Phạm Huỳnh N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Lê Văn P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn chị Phạm Huỳnh N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Lê Văn P khởi kiện xin ly hôn chị Phạm Huỳnh N, chị N có địa chỉ cư trú tại ấp 3, xã PC, huyện CL, tỉnh TG. Do vậy, căn cứ quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn P và chị Phạm Huỳnh N kết hôn với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Thành Bình, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 27/02/2018 nên là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã thật sự đổ vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, theo anh P trình bày: sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc chỉ được thời gian đầu, đến tháng 02 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và tự sống ly thân đến nay, nguyên nhân do chị N tự ý bỏ về bên nhà cha mẹ ruột sinh sống, không quan tâm nhau. Riêng đối với chị N, từ khi được Tòa án thông báo về việc anh P ly hôn chị vẫn bỏ mặc và cũng không có ý kiến gì, chứng tỏ chị không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng với anh P nữa. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa anh P và chị N thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho anh, chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Anh P và chị N có 01 con chung tên Lê Trọng P, sinh ngày 18/5/2020, hiện tại trẻ chưa đủ 36 tháng tuổi đáng lẽ cần giao cho chị N nuôi dưỡng, nhưng xét thấy từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay con do anh P nuôi dưỡng ổn định, chị N vắng mặt và cũng không có ý kiến về vấn đề này nên tiếp tục giao con chung cho anh P nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh P không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí sơ thẩm: Anh P là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn P. Cho anh Lê Văn P được ly hôn chị Phạm Huỳnh N.

2. *Về con chung:* Giao con chung tên Lê Trọng P, sinh ngày 18/5/2020 cho anh Lê Văn P trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Phạm Huỳnh N được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. *Về án phí:* Anh Lê Văn P phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016057 ngày 14/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy xem như thi hành xong.

3. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Tân Thành Bình, huyện Mô Cày Bắc, tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Ngoan

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi..... giờ.....phút, ngày 21 tháng 7 năm 2022

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân: -

-

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 230/2022/TLST-HNGĐ
ngày 14 tháng 4 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Lê Văn P**, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp Thành Hoá 2, xã TTB, huyện MCB, tỉnh BT.

- Bị đơn: Chị **Phạm Huỳnh N**, sinh năm 1998

Địa chỉ: ấp 3, xã PC, huyện CL, tỉnh TG.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật⁽⁸⁾.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU⁽⁹⁾**

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn P. Cho anh Lê Văn P được ly hôn chị Phạm Huỳnh N.

2. *Về con chung:* Giao con chung tên Lê Trọng P, sinh ngày 18/5/2020 cho anh Lê Văn P trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Phạm Huỳnh N được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. *Về án phí:* Anh Lê Văn P phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016057 ngày 14/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy xem như thi hành xong.

3. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 21 tháng 7 năm 2022

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**Thành viên
Hội đồng xét xử**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa